

Bản án số: 30/2024/HS-ST
Ngày 04 - 7 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ G, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Kim Nhi**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thành Nhạn

Bà Cao Thị Mỹ Phượng

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Đào**, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Tín**- Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 37/2024/TLST - HS ngày 30 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2024/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 6 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: NGUYỄN VĂN T sinh ngày 25 tháng 10 năm 1990 tại Bạc Liêu. Nơi cư trú: Ấp 3A, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn U và bà Võ Thị C; vợ: Nguyễn Hồng L và 04 con; tiền án, tiền sự: Không, bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

2. Họ và tên: NGUYỄN VĂN L sinh ngày 24 tháng 5 năm 1995 tại Bạc Liêu. Nơi cư trú: Ấp 3A, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn U và bà Võ Thị C; vợ, con: Không; tiền án, tiền sự: Không, bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

3. Họ và tên: KIM MINH T (tên gọi khác: **Lìn**) sinh ngày 03 tháng 01 năm 1988 tại Trà Vinh. Nơi cư trú: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Khmer; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Kim Sa Mê N và bà Kim Thị Sa L; vợ: Diệp Thị Ngọc G, con: Không; tiền án, tiền sự: Không, bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

** Người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn L:* Ông **Trần Hiền T** - Trợ giúp viên pháp lý của Chi nhánh Trợ giúp pháp lý số 01 thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bạc Liêu, có mặt.

** Bị hại:*

- Ông **Châu Văn T**, sinh năm 1989. Nơi cư trú: Ấp 3A, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu, có mặt.

- Ông **Trần Hải Đ**, sinh năm 1976. Nơi cư trú: Ấp 25, xã Phong Thạnh A, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu, vắng mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

- Ông **Nguyễn Văn T2** (tên gọi khác: **T2**), sinh năm 1993. Nơi cư trú: Ấp R, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau, vắng mặt.

** Người làm chứng:*

- Bà **Nguyễn Thị Hai**, sinh năm 1954. Nơi cư trú: Ấp 3A, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu, có mặt.

- Ông **Châu Văn U** (tên gọi khác: **Bé**), sinh năm 1996. Nơi cư trú: Ấp 3A, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu, vắng mặt.

- Ông **Huỳnh Văn H**, sinh năm 1996. Nơi cư trú: Ấp 1A, xã Phong Thạnh Tây A, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 00 giờ 30, ngày 02 tháng 7 năm 2016, nhóm các bị cáo Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn T, Kim Minh T cùng ông Nguyễn Văn T2 sau khi đi uống rượu về đến quán cà phê thuộc ấp 3A, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu thì xe của bị cáo L hết xăng. Bị cáo L nhìn thấy ông Huỳnh Văn H đang đậu xe mô tô biển kiểm soát 70H6 – 6163 (ông H mượn xe của ông Châu Văn U) trước quán để chờ rước các bị hại ông Châu Văn T và ông Trần Hải Đ nên nhờ ông H kè xe của bị cáo L về nhưng ông H không đồng ý. Lúc này, bị cáo Minh T đi đến dùng tay đập vào đầu đèn xe của ông H làm đầu đèn rớt xuống đất và bị cáo Văn T nhặt đầu đèn vứt bỏ rồi nhóm của bị cáo L bỏ đi, còn ông H chạy xe chở ông T và ông Đ về nhà ông T gần đó. Sau khi về nhà, ông T và ông Đ đang chuẩn bị uống rượu tiếp thì nhóm của bị cáo L chạy đến, bị cáo L đi vào nhà ông T cự cãi với ông T rồi các bị cáo chạy xe về nhà bị cáo Văn T lấy hung khí gồm dao tự chế, dây xích sắt, khúc cây quay trở lại nhà Thêm để đánh nhau. Bị cáo Văn T cầm dao tự chế, bị cáo L cầm một khúc cây, bị cáo Minh T cầm 01 sợi dây xích có gắn ổ khóa phía đầu dây cùng xông vào nhà ông T. Bị cáo Văn T cầm dao tự chế chém trúng vào vai ông T gây thương tích, bị cáo L cầm cây và Minh T dùng dây xích sắt đầu

dây có gắn ổ khóa đánh liên tiếp vào người ông T. Khi ông T bỏ chạy thì cả ba cùng rượt đuổi ông T và bị cáo Văn T tiếp tục dùng dao chém trúng vào bàn tay trái của ông T gây thương tích. Ông T bỏ chạy ra nhà sau trốn thoát. Các bị cáo Văn T, Lộc và Minh T tiếp tục đi vào buồng ngủ tìm kiếm và phát hiện ông Đ đang trốn dưới tấm nệm nên bị cáo Minh T lôi ông Đ ra ngoài. Khi ông Đ đang ngồi dưới nền nhà thì bị bị cáo Văn T dùng dao chém vào trán một cái, vào đầu hai cái gây thương tích, đồng thời bị cáo L cầm cây đánh vào bàn tay của ông Đ gây thương tích; bị cáo Minh T cầm dây xích sắt đánh liên tiếp vào lưng của ông Đ. Lúc này mẹ ruột của ông T là bà Nguyễn Thị Hai van xin thì nhóm của bị cáo Văn T, Lộc và Minh T mới dừng lại và bỏ đi. Ông T và ông Đ được gia đình đưa đến Bệnh viện đa khoa Giá Rai điều trị thương tích.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 93/TgT ngày 21 tháng 10 năm 2016 của Trung tâm Pháp y Sở Y tế tỉnh Bạc Liêu xác định ông Trần Hải Đ có thương tích với tỷ lệ như sau: 01 sẹo ở trên cung mày trái, ảnh hưởng thẩm mỹ, tỷ lệ 11%. Vật gây thương tích do vật sắc; 01 sẹo hình chữ “C” trên đỉnh đầu phải, 01 sẹo ở đỉnh đầu trái, tỷ lệ 02%. Vật gây thương tích do vật sắc; Gãy xương bàn ngón III bàn tay phải, can xấu, biến dạng bàn tay, tỷ lệ 16%. Vật gây thương tích do vật tày. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 27%.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 94/TgT ngày 21 tháng 10 năm 2016 của Trung tâm Pháp y Sở Y tế tỉnh Bạc Liêu xác định ông Châu Văn T có thương tích với tỷ lệ như sau: 01 sẹo ở vai cánh tay phải, 01 sẹo ở lòng bàn tay trái, tỷ lệ 08%; Đứt gân gấp ngón II đã khâu nối, ảnh hưởng đến động tác gấp duỗi ngón II, tỷ lệ 02%; Gãy hở xương bàn ngón II bàn tay trái, ảnh hưởng đến vận động ngón II, tỷ lệ 16%. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 24%. Vật gây thương tích do vật sắc.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 130/KL-HĐĐGTS ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã G đối với đầu đèn bị hư hỏng của chiếc xe mô tô loại Wave Trung Quốc mang kiểm soát 70H6-6163 không định giá được vì không có đủ cơ sở.

Cáo trạng số: 06/CT-VKS-HS ngày 19 tháng 01 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn L và Kim Minh T về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo quy định tại điểm b, đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu giữ nguyên Cáo trạng truy tố đối với các bị cáo và đề xuất:

Căn cứ điểm b, đ khoản 2 Điều 134; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự, tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “*Cố ý gây thương tích*” và xử phạt bị cáo Văn T từ 03 (ba) năm tù đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù.

Căn cứ điểm b, đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự, tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội “*Cố ý gây thương tích*” và xử phạt bị cáo L từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù đến 03 (ba) năm tù.

Căn cứ điểm b, đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự, tuyên bố bị cáo Kim Minh T phạm tội “*Cố ý gây thương tích*” và xử phạt bị cáo Minh T từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù đến 03 (ba) năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 2 Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự tách việc bồi thường để xử lý sau theo quy định pháp luật.

Về vật chứng: Do không thu giữ được nên không đề cập xử lý.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo: Thống nhất về tội danh, nội dung cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu đã truy tố đối với các bị cáo và không có ý kiến về trách nhiệm dân sự. Bị cáo Văn T và Lộc có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo Văn T và bị cáo L được hưởng mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Bị cáo L và Minh T cùng thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, các bị cáo đã ăn năn hối cải và xin được giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo Văn T thừa nhận gây thương tích cho ông T, không gây thương tích cho ông Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an thị xã G, tỉnh Bạc Liêu, Điều tra viên. Viện kiểm sát nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị hại ông Trần Hải Đ, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Nguyễn Văn T2 và người làm chứng ông Châu Văn U đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, ông Huỳnh Văn H có đơn xin vắng mặt. Xét thấy, ông Đ, ông T2 và ông U đã có đầy đủ lời khai tại Cơ quan Điều tra, việc vắng mặt của ông Đ, ông T2, ông U, ông H không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn T không thừa nhận hành vi của mình như Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thị xã G đã truy tố đối với thương tích của bị hại ông Trần Hải Đ, bị cáo xác định không gây thương tích cho ông Đ. Tuy nhiên, qua quá trình thẩm vấn tại phiên tòa đối với bị cáo Nguyễn Văn L, bị cáo Kim Minh T và trên cơ sở lời khai của bị hại, người làm chứng có mặt tại hiện trường và các chứng cứ khác trong giai đoạn điều tra, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Vào khoảng 00 giờ 30, ngày 02 tháng 7 năm 2016 tại ấp 3A, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn L và Kim Minh T gây thương tích cho bị hại ông Châu Văn T và ông Trần Hải Đ. Cụ thể bị cáo Văn T dùng dao tự chế bằng kim loại là hung khí nguy hiểm chém trúng vai phải và bàn tay trái của ông T, bị cáo L dùng khúc cây và bị cáo Minh T dùng xích sắt có gắn ổ khóa đánh vào người ông T; Bị cáo Văn T dùng dao tự chế bằng kim loại là hung khí nguy hiểm chém vào đầu ông Đ, bị cáo L dùng khúc cây đánh vào bàn tay phải và bị cáo Minh T dùng xích sắt có gắn ổ khóa đánh vào lưng ông Đ. Qua giám định, tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể tại thời điểm giám định của ông T là 24%, ông Đ là 27%, nên hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội “*Cố ý gây thương tích*” theo quy định tại điểm b, đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự, như Viện kiểm sát nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[4] Đây là vụ án đồng phạm do các bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội và không có sự bàn bạc với nhau nên mang tính chất giản đơn. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe của các bị hại được pháp luật bảo vệ mà còn gây tâm lý hoang mang, lo sợ trong quần chúng nhân dân, làm mất an ninh trật tự tại địa phương. Chỉ vì mâu thuẫn nhỏ mà các bị cáo không giữ được bình tĩnh dẫn đến hậu quả xảy ra. Tuy nhiên, xuất phát từ ý thức xem thường pháp luật, xem thường sức khỏe của người khác mà các bị cáo gây thương tích cho các bị hại. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải xử phạt các bị cáo mức án tương xứng, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[5] Bị cáo Văn T, bị cáo L thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện khắc phục thiệt hại cho bị hại, gia đình bị cáo Văn T và bị cáo L có công cách mạng và bị hại ông T có đơn xin bãi nại nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Minh T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện khắc phục thiệt hại cho bị hại nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Do đó, khi lượng hình Hội đồng xét xử có xem xét cho các bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Ông T không yêu cầu bồi thường thiệt hại do các bị cáo đã khắc phục xong. Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại của ông Đ là 15.000.000 đồng bao gồm chi phí điều trị thương tích và phục hồi sức khỏe nhưng không có hóa đơn chứng từ, không thể hiện được chi phí điều trị nên căn cứ khoản

2 Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự tách việc bồi thường để xử lý sau theo quy định pháp luật.

[7] Đối với số tiền 2.000.000 đồng ông Nguyễn Văn T2 nộp để khắc phục cho ông T, ông Đ. Xét thấy, ông T2 không liên quan đến hành vi gây thương tích của các bị hại. Do đó, ông T2 có quyền yêu cầu ông T, ông Đ trả lại số tiền 2.000.000 đồng khi có yêu cầu. Đối với số tiền 1.000.000 đồng bị cáo Minh T nộp khắc phục cho ông T hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G, tỉnh Bạc Liêu nên ông T có quyền đến Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G, tỉnh Bạc Liêu để nhận số tiền này.

[8] Về vật chứng: Do không thu giữ được nên không xử lý.

[9] Tại Kết luận định giá tài sản số: 130/KL-HĐĐGTS ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã G đối với đầu đèn bị hư hỏng của chiếc xe mô tô loại Wave Trung Quốc mang kiểm soát 70H6-6163 không định giá được vì không có đủ cơ sở.

[10] Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Xét đề nghị của người bào chữa cho bị cáo thấy rằng: Để giáo dục, cải tạo các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội thì cần phải xử phạt các bị cáo một mức án tương xứng với hành vi của các bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của người bào chữa cho bị cáo Văn T và bị cáo L về việc xem xét cho các bị cáo hưởng mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

[12] Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Nguyễn Văn T, bị cáo Nguyễn Văn L, bị cáo Kim Minh T mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b, đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 17 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án.

2. Căn cứ điểm b, đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 17 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án.

3. Căn cứ điểm b, đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 17 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Kim Minh T (tên gọi khác: Lìn) phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

Xử phạt bị cáo Kim Minh T 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án.

4. Căn cứ khoản 2 Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự

Về trách nhiệm dân sự: Tách việc bồi thường để xử lý sau theo quy định pháp luật.

5. Về xử lý vật chứng: Do không thu hồi được nên không đề cập xử lý.

6. Căn cứ Điều 135 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp số tiền 200.000 đồng. Buộc bị cáo Nguyễn Văn L phải nộp số tiền 200.000 đồng. Buộc bị cáo Kim Minh T phải nộp số tiền 200.000 đồng.

7. Án xử sơ thẩm các bị cáo, bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu;
- Viện kiểm sát nhân dân thị xã G;
- Cơ quan Điều tra Công an thị xã G;
- Thi hành án hình sự Công an thị xã G;
- Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Bị hại;
- NCQLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Kim Nhi